

Số: 457/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách thí sinh dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 3/6 (trình độ B1) và 5/6 (trình độ C1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1439/QĐ-ĐHKB ngày 28/11/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1502/QĐ-ĐHKB ngày 04/12/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc về việc ban hành quy định chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ trình độ Đại học tại trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Trường Đại học Kinh Bắc;

Xét đề nghị của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thí sinh đủ điều kiện dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 3/6 (trình độ B1) và 5/6 (trình độ C1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, TT NN-TH./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH BẮC
TS. PHẠM NGỌC TRÚC

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3/6 (TRÌNH ĐỘ B1)
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

(Kèm theo Quyết định số 457 /QĐ-ĐHKB ngày 08 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc)

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã SV	Lớp
1	330	Đoàn Văn Cường	05/05/2000	Nam	11H4800006	11H.CNTT
2	331	Hoàng Thị Linh	25/03/2004	Nữ	11LC4800002	11LC-CNTT1
3	332	Đinh Danh Kiểm	18/11/1999	Nam	10H4800004	10H.CNTT-2
4	333	Vũ Thị Nhung	27/05/2003	Nữ	10D1010051	10D.QTKD01
5	334	Nguyễn Thị Quý	11/08/2002	Nữ	10D1030045	10D.DL
6	335	Phạm Văn Tùng	08/06/1996	Nam	08H1010002	08H.QTKD01
7	336	Nguyễn Thị Thu Phương	07/01/2003	Nữ	10D3010071	10D.KT02
8	337	Nguyễn Xuân Duy	20/02/2003	Nam	10D4800071	10D.CNTT02
9	338	Hà Văn Dương	12/06/2003	Nam	10D4800068	10D.CNTT02
10	339	Nguyễn Ngọc Anh	22/10/2003	Nữ	10D3010045	10D.KT02
11	340	Nguyễn Tuấn Hiệp	20/10/2002	Nam	10D1010089	10D.QTKD02
12	341	Nguyễn Văn Phúc	21/07/2003	Nam	10D4800043	10D.CNTT01
13	342	Mẫn Thị Lan	05/10/2003	Nữ	10D4800028	10D.CNTT01
14	343	Trần Thị Ngân	25/03/2003	Nữ	10D3010069	10D.KT02
15	344	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	15/07/2003	Nữ	10D1010014	10D.QTKD01
16	345	Lê Tiến Dũng	13/12/2003	Nam	10D4800009	10D.CNTT01
17	346	Nguyễn Văn Phương	14/12/2003	Nam	10D4800044	10D.CNTT01
18	347	Nguyễn Văn Khánh	26/06/2003	Nam	10D4800025	10D.CNTT01
19	348	Hoàng Phi Hùng	06/08/2003	Nam	10D4800023	10D.CNTT01
20	349	Nguyễn Hữu Mẫn	24/10/2003	Nam	10D4800125	10D.CNTT01
21	350	Lò Văn Anh	21/04/2003	Nam	10D1010002	10D.QTKD01
22	351	Phan Thị Cẩm Ly	31/05/2002	Nữ	10D1010044	10D.QTKD01
23	352	Dương Tuấn Anh	27/12/2002	Nam	10D1010001	10D.QTKD01
24	353	Nguyễn Ngọc Tùng	13/06/2003	Nam	10D4800056	10D.CNTT01
25	354	Đoàn Duy Anh	28/10/2003	Nam	10D4800001	10D.CNTT01
26	355	Hoàng Thị Huyền	20/11/2000	Nữ	09D4800002	09D.CNTT01

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã SV	Lớp
27	356	Hoàng Thị Kha	17/04/2003	Nữ	10D1010032	10D.QTKD01
28	357	Bùi Thị Mỹ	10/10/2003	Nữ	10D4800038	10D.CNTT01
29	358	Nguyễn Thị Sen	29/08/2003	Nữ	10D4800048	10D.CNTT01
30	359	Đoàn Thùy Linh	04/08/2003	Nữ	10D4800031	10D.CNTT01
31	360	Vũ Thị Nga	02/05/2003	Nữ	10D4800040	10D.CNTT01
32	361	Nguyễn Văn Quỳnh	13/05/2003	Nam	10D1010159	10D.QTKD02
33	362	Nguyễn Xuân Thắng	21/11/2002	Nam	09D4800045	09D.CNTT02
34	363	Trịnh Văn Hậu	16/02/2003	Nam	10D4800072	10D.CNTT02
35	364	Bàng Thùy Dung	19/01/2003	Nữ	10D4800070	10D.CNTT02
36	365	Phạm Đình Phi	28/03/2003	Nam	10D1030040	10D.KS
37	366	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	02/06/2002	Nữ	10D1010050	10D.QTKD01
38	367	Nguyễn Thị Hải Anh	07/12/2003	Nữ	10D1010163	10D.QTKD01
39	368	Dương Thị Thùy Linh	30/04/2003	Nữ	10D1010045	10D.QTKD01
40	369	Lê Tuấn Anh	22/11/2003	Nam	10D1010072	10D.QTKD02
41	370	Nguyễn Thị Hương	06/10/2003	Nữ	10D1010093	10D.QTKD02
42	371	Vy Thị Hồng Gấm	17/08/2002	Nữ	10D1010082	10D.QTKD02
43	372	Đặng Thị Lan Anh	20/08/1996	Nữ	08H1010005	08H.QTKD01
44	373	Nguyễn Quang Phóng	31/07/2003	Nam	10D1010115	10D.QTKD02
45	374	Hoàng Văn Hồng	04/11/1999	Nam	10LD4800041	10LD.CNTT-2
46	375	Vì Văn Xuân	07/02/2003	Nam	10D1010141	10D.QTKD02
47	376	Phạm Xuân Chiến	18/02/2001	Nam	08D4800074	10D.CNTT01
48	377	Nguyễn Ngọc Huyền	26/11/2002	Nữ	10D1010029	10D.QTKD01
49	378	Lò Trung Tín	14/01/2003	Nam	10D4800109	10D.CNTT02
50	379	Nguyễn Hồng Quân	13/02/2003	Nam	10D4800093	10D.CNTT02
51	380	Hoàng Mạnh Quý	29/08/2003	Nam	10D4800099	10D.CNTT02
52	381	Lương Ngọc Sương	24/12/2003	Nữ	10D4800104	10D.CNTT02
53	382	Trần Thị Nguyệt	27/02/2003	Nữ	10D4800089	10D.CNTT02
54	383	Lưu Trung Kiên	27/10/2002	Nam	10D4800084	10D.CNTT02
55	384	Quàng Thị Thanh	18/01/2003	Nữ	10D1010123	10D.QTKD02
56	385	Lê Tiến Dũng	24/10/2001	Nam	10D1010015	10D.QTKD01
57	386	Nguyễn Văn Kỳ	17/11/2003	Nam	10D1010036	10D.QTKD01
58	387	Thân Văn Thủy	07/11/1999	Nam	06D1030101	06D.DLLH
59	388	Nguyễn Ngọc Hưng	31/10/2003	Nam	10D4800079	10D.CNTT02

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã SV	Lớp
60	389	Đỗ Đức Toàn	07/01/2003	Nam	10D1010080	10D.QTKD02
61	390	Nguyễn Mai Lan	24/03/2002	Nữ	10D3010088	10D.KT02
62	391	Nguyễn Bá Ngọc Anh	07/08/2003	Nữ	10D1010074	10D.QTKD02
63	392	Trương Văn Ngọc	02/03/2003	Nam	10D1010143	10D.QTKD01
64	393	Ngô Khánh Huyền	16/12/2003	Nữ	10D3010060	10D.KT02
65	394	Dương Thùy Dương	06/12/2003	Nữ	10D1010013	10D.QTKD01
66	395	Bùi Minh Đức	05/10/2003	Nam	11H4800008	11H.CNTT
67	396	Nguyễn Văn Kỳ	15/02/1995	Nam	10LD4800020	10LD.CNTT02
68	397	Khoàng Thanh Xuân	20/02/2003	Nữ	10D1030074	10D.LH
69	398	Đặng Trung Dũng	03/12/2003	Nam	10D4800012	10D.CNTT01
70	399	Đào Văn Đồi	29/08/2003	Nam	10D4800015	10D.CNTT01
71	400	Trịnh Minh Vương	12/11/2003	Nam	10D4800057	10D.CNTT01
72	401	Nguyễn Văn Long	15/12/2003	Nam	10D4800033	10D.CNTT01
73	402	Nguyễn Thế Đạt	09/07/2003	Nam	10D4800014	10D.CNTT01
74	403	Lê Đức Mừng	06/02/1994	Nam	10LC4800002	10LD.CNTT01
75	404	Nguyễn Lộc Trường Minh	14/02/2003	Nam	10D4800122	10D.CNTT01
76	405	Quảng Thị Kiều	21/10/2003	Nữ	10D1010035	10D.QTKD01
77	406	Trần Thị Thảo	21/12/2003	Nữ	10D1010062	10D.QTKD01
78	407	Tạ Nhi Lan	05/03/2003	Nữ	10D1010037	10D.QTKD01
79	408	Ngô Thị Lan Dung	12/12/2002	Nữ	10D4800011	10D.CNTT01
80	409	Nguyễn Minh Hòa	30/05/2003	Nam	10D1010023	10D.CNTT01
81	410	Nguyễn Việt Dũng	28/12/2003	Nam	10D4800010	10D.CNTT01
82	411	Nguyễn Mạnh Cường	24/09/2003	Nam	10D4800007	10D.CNTT01
83	412	Phạm Thị Mỹ Linh	23/03/2003	Nữ	10D1010040	10D.QTKD01
84	413	Nguyễn Thị Vân	16/05/2004	Nữ	11LC4800003	11LC.CNTT
85	414	Phí Hải Linh Chi	07/03/2003	Nữ	10D1030008	10D.KS
86	415	Nguyễn Thị Phương Linh	13/06/2003	Nữ	10D1030035	10D.KS
87	416	Nguyễn Thị Hà Giang	26/10/2003	Nữ	10D1030024	10D.KS
88	417	Lê Thị Trúc	03/11/2003	Nữ	10D1030061	10D.KS
89	418	Vương Thị Tăng	25/02/2002	Nữ	10D1030048	10D.KS
90	419	Trần Đức Nguyên	21/07/2001	Nam	08D4800038	10D.CNTT01
91	420	Nguyễn Công Trường	26/10/2001	Nam	09D4800038	09D.CNTT02
92	421	Nguyễn Thị Huyền	01/04/2002	Nữ	11D1010138	11D.QTKD01

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã SV	Lớp
93	422	Vương Văn Tú	03/02/2001	Nam	10H4800009	10H.CNTT-2
94	423	Bùi Văn Đăng	17/09/2001	Nam	10D1030017	10D.KS
95	459	Nguyễn Thu Huyền	03/12/1999	Nữ	06D1030102	06D.KS02
96	460	Nguyễn Đăng Cảnh	07/02/2003	Nam	10D4800005	10D.CNTT01
97	461	Hoàng Thị Ngọc Ánh	11/10/2003	Nữ	10D1030001	10D.KS
98	462	Phu Ta Xá	07/05/1998	Nam	08D1030019	08D.DLLH01
99	463	Trần Thu Hà	10/06/2000	Nữ	09D1010088	09D.QTKD2
100	464	Nguyễn Thị Vân Anh	08/10/2004	Nữ	11LC3010001	11LC.KT
101	465	Bùi Đức Bình	01/10/2003	Nam	10D1010073	10D.KS
102	466	Nguyễn Đình Quang	21/12/2003	Nam	10D4800047	10D.CNTT01
103	467	Vũ Thị Cẩm Ly	15/10/2003	Nữ	10D1030039	10D.KS

Danh sách gồm 103 thí sinh./.

VÀ
IG
OC
BÀ

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5/6 (TRÌNH ĐỘ C1)
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số **457/QĐ-ĐHKB** ngày **08** tháng **5** năm 2025
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc)

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã sv	Lớp
1	432	Trần Thị Mỹ Linh	19/08/2000	Nữ	07D2200002	07D.NNA
2	431	Triệu Hồng Nhung	21/11/2000	Nữ	07D2200012	07D.NNA
3	424	Nguyễn Tùng Anh	25/09/2003	Nam	10D2200002	10D.NNA
4	451	Nguyễn Thị Chà	27/07/2003	Nữ	10D2200003	10D.NNA
5	425	Hoàng Nguyên Giáp	23/02/2002	Nam	10D2200007	10D.NNA
6	438	Nguyễn Thu Hằng	02/05/2003	Nữ	10D2200008	10D.NNA
7	450	Đỗ Thị Thu Hậu	10/12/2003	Nữ	10D2200009	10D.NNA
8	449	Nguyễn Thị Hoa	13/07/2003	Nữ	10D2200010	10D.NNA
9	426	Phạm Thị Khánh Huyền	28/02/2003	Nữ	10D2200011	10D.NNA
10	446	Ngô Thị Mai	13/01/2003	Nữ	10D2200014	10D.NNA
11	453	Triệu Phương Nga	23/09/2001	Nữ	10D2200019	10D.NNA
12	427	Chu Thị Phụng	29/05/2003	Nữ	10D2200021	10D.NNA
13	452	Dương Thị Thu Trà	04/09/2003	Nữ	10D2200026	10D.NNA
14	456	Trịnh Thị Huyền Trang	07/07/2003	Nữ	10D2200025	10D.NNA
15	430	Vũ Thị Quỳnh Anh	24/02/2004	Nữ	11D2200006	11D.NNA
16	448	Ngô Trần Tuấn Anh	05/11/2004	Nam	11D2200030	11D.NNA
17	436	Nguyễn Thị Thanh Bình	29/10/2004	Nữ	11D2200022	11D.NNA
18	442	Lô Thị Bình	21/06/1999	Nữ	11D2200001	11D.NNA
19	455	Nguyễn Thị Minh Châu	08/10/1982	Nữ	11D.2200023	11D.NNA
20	443	Nguyễn Phương Dung	02/12/2004	Nữ	11D2200004	11D.NNA
21	441	Nguyễn Thị Thùy Dương	19/05/2004	Nữ	11D2200012	11D.NNA
22	454	Bùi Văn Độ	10/02/1999	Nam	11D2200011	11D.NNA
23	437	Phạm Thị Ngân Hà	27/09/2004	Nữ	11D2200007	11D.NNA
24	458	Nguyễn Thị Hiền	16/11/2004	Nữ	11D2200009	11D.NNA

25	445	Đỗ Linh Huệ	20/06/2001	Nữ	11D2200020	11D.NNA
26	444	Nguyễn Thị Thanh Huyền	06/09/2004	Nữ	11D2200005	11D.NNA
27	435	Lãnh Thị Diệu Linh	09/03/2004	Nữ	11D2200017	11D.NNA
28	428	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17/07/2004	Nữ	11D2200028	11D.NNA
29	440	Nguyễn Thị Trà My	23/12/2004	Nữ	11D2200018	11D.NNA
30	433	Phạm Ánh Nguyệt	13/07/2004	Nữ	11D2200019	11D.NNA
31	447	Nguyễn Thị Phương	21/01/2004	Nữ	11D2200025	11D.NNA
32	439	Đặng Thúy Quỳnh	05/05/2001	Nữ	11D2200002	11D.NNA
33	434	Nguyễn Minh Tâm	23/01/2004	Nữ	11D2200034	11D.NNA
34	457	Nguyễn Thị Minh Tâm	06/10/2004	Nữ	11D2200026	11D.NNA
35	429	Phạm Thị Phương Thảo	19/11/2004	Nữ	11D2200016	11D.NNA

Danh sách gồm 35 thí sinh./.

